

THỊ TRƯỜNG CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA

Đối với các hoạt động trading có thể tham khảo tại vùng hỗ trợ quanh đường MA20 của VN-Index tương ứng vùng 1.275-1.280 điểm, ưu tiên các vị thế có sẵn và các nhóm ngành có KQKD quý 3 tích cực như bán lẻ, hàng tiêu dùng, phân bón, xuất khẩu, khu công nghiệp,...

BÁN

Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu kém hơn thị trường chung nếu có.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

DBC

NĂM GIỮ

↑ 6,95%

VND32.300

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm phiên thứ hai liên tiếp trong phiên giao dịch ngày thứ Tư (9/10), với hai chỉ số S&P 500 và Dow Jones cùng thiết lập kỷ lục mới.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Sau áp lực điều chỉnh và có 02 phiên giao dịch phản ứng tích cực ở vùng hỗ trợ quanh 1.265 điểm tương ứng đường hỗ trợ xu hướng ngắn hạn. VN-Index trong phiên giao dịch hôm nay có diễn biến khá tích cực, tăng điểm từ đầu phiên, đà tăng duy trì đến cuối phiên với thanh khoản cải thiện dần, lực cầu giá lên gia tăng ở nhiều mã/nhóm mã với độ rộng tốt. Về kỹ thuật, VN-Index đóng cửa sát ngưỡng cao nhất với phiên tăng điểm trọn vẹn cho thấy chuyển biến tích cực ngắn hạn.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	42.512,00	1,03	12,80
S&P 500	5.792,04	0,71	21,43
Nasdaq	18.291,62	0,60	21,85
VIX	20,86	-2,61	67,55
DAX	19.254,93	0,99	14,94
FTSE 100	8.243,74	0,65	6,60
CAC40	7.560,09	0,52	0,22
Hang Seng	21.046,00	1,98	23,46

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	NEUTRAL	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	55,50	BUY
MACD (12,26)	4,01	BUY
ADX (14)	12,79	NEUTRAL
SMA5	1.274,49	BUY
SMA20	1.273,51	BUY
SMA50	1.260,63	BUY
SMA100	1.266,26	BUY
SMA200	1.239,64	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Tuần này chứng kiến đặt cược vào mức giảm lãi suất lớn trong cuộc họp tháng 11 không còn nữa. Sự dịch chuyển kỳ vọng lãi suất này diễn ra sau báo cáo việc làm tháng 9 khả quan hơn dự kiến mà Bộ Lao động Mỹ công bố vào tuần trước. Sau biên bản cuộc họp Fed, mối quan tâm của nhà đầu tư sẽ hướng tới báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) dự kiến công bố vào ngày thứ Năm (10/10).
- Ủy ban Kinh tế cho biết, 9 tháng đầu năm, vốn đầu tư khu vực ngoài tăng 7,1% so với cùng kỳ năm 2023 và bằng gần một nửa mức tăng trưởng của giai đoạn 2015 – 2019. Trong khi đó, vốn khu vực Nhà nước tăng 4,1% và chỉ đạt xấp xỉ 1/4 mức tăng 15,1% của cùng kỳ năm 2023.
- Trong báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, Chính phủ cho biết đã hoàn thiện phương án chuyển giao đối với hai ngân hàng mua lại bắt buộc là Ngân hàng TNHH MTV Xây dựng (CBBank) và Ngân hàng TNHH MTV Đại dương (OceanBank).
- NHNN vừa có quyết định điều chỉnh vốn điều lệ của Agribank lên mức hơn 51.600 tỷ đồng. Dù vậy, mức vốn điều lệ này vẫn thấp hơn ba ông lớn BIDV, Vietcombank và VietinBank cũng như ba ngân hàng cổ phần là MB, VPBank và Techcombank.
- PVT:** 9 tháng đầu năm, Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ước tính doanh thu đạt 8.100 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ còn LNTT đi ngang, ước đạt 1.200 tỷ đồng. Nộp NSNN đạt 380 tỷ đồng, tương đương 146% kế hoạch 9 tháng.
- GMD:** GMD đã được UBCKNN chấp thuận phát hành quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ 3:1 cho 103,5 triệu cổ phiếu, chiếm 33,33% số cổ phiếu đang lưu hành với giá 29.000 đồng/cổ phiếu – thấp hơn 62% so với giá hiện tại là 76.400 đồng/cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành là gần 4.140 tỷ đồng.
- HPG:** Quý III, Tập đoàn Hòa Phát đạt doanh thu hơn 34.000 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước (28.766 tỷ đồng). Lũy kế 9 tháng, Hòa Phát ghi nhận hơn 105.000 tỷ đồng doanh thu tương đương hơn 4 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước (85.431 tỷ đồng), hoàn thành 75% kế hoạch năm 2024.
- CTG:** Mới đây ngày 9/10, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã công bố chính thức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024. Theo đó, ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản từ 8% - 10%, tín dụng theo hạn mức được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. Đáng chú ý nhất là con số kế hoạch lợi nhuận, mục tiêu lợi nhuận trước thuế ngân hàng mẹ được đưa ra là 26.300 tỷ đồng, tăng 8,7% so với năm trước.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.611,49	0,14	26,59
Dầu WTI	73,49	0,34	2,57
Dầu Brent	76,82	0,31	-0,29
Than	145,45	-1,59	-0,65
Đồng	9.675,00	-0,69	13,04
Quặng sắt	106,00	0,61	-23,14
Thép	517,00	-1,52	-8,44

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	102,865	-0,06	1,51
USD/JPY	149,13	0,12	-5,42
USD/CNY	7,0691	0,17	0,44
EUR/USD	1,0945	0,05	-0,85
GBP/USD	1,3076	0,04	2,71

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,00%	07/11/2024	-0,50
ECB	3,65%	17/10/2024	-0,25
BOE	5,00%	07/11/2024	-0,25
BOJ	0,25%	31/10/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
HPG	1.137,39	27.500	2,04
VPB	999,86	20.250	0,75
MWG	1.338,91	64.200	-1,53
TPB	265,03	17.600	0,28
TCB	531,91	24.650	1,02

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	508.607,30	91.000	-0,55
BID	281.886,56	49.450	1,12
FPT	197.744,67	135.400	1,20
CTG	193.856,70	36.100	0,98
VHM	185.060,62	42.500	2,16

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

DBC

Khuyến nghị
Giá hiện tại
Giá mục tiêu
Tiềm năng tăng giá
Vùng giải ngân
Ngưỡng cắt lỗ
NĂM GIỮ
30.200
32.300
6,95%
<27.000

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Doanh thu tháng 8/2024 của Dabaco vượt mốc 2.024 tỷ đồng, tăng 11% so với tháng 7. Trong đó, lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và chăn nuôi lợn tiếp tục là nhân tố chính đóng góp vào sự tăng trưởng này.
- Dự án vaccine dịch tả lợn châu Phi (ASF) được kỳ vọng là nguồn thu mới cho DBC. Doanh nghiệp này sẽ hoàn thành các bước kiểm tra thực địa đối với 3 lô vaccine ASF trên các trang trại ở Bắc Ninh. Sau đó, nếu được cấp phép thương mại hóa, nhà máy vaccine của DBC sẽ sản xuất đại trà từ cuối quý 4/2023.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Xu hướng tăng ngắn hạn của cổ phiếu DBC vẫn được duy trì. Nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu với mục tiêu ngắn hạn đạt 32.300 đồng, kháng cự gần của cổ phiếu ở ngưỡng 30.600 đồng. Hỗ trợ vùng 29.100-29.600 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q2 2024
DTT (tỷ đ)	11.558	11.110	3.185
LNTT (tỷ đ)	79	98	157
LNST (tỷ đ)	5	25	145
Nợ/VCSH (%)	99	126	117
ROE (%)	0,11	0,54	4,97
ROA (%)	0,04	0,19	1,83
EPS (VNĐ)	18	89	842,77
P/E (lần)	671,4	266,0	35,83
P/B (lần)	0,74	1,42	1,74

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	60,66	BUY
MACD (12,26)	0,21	BUY
ADX (14)	17,48	BUY
SMA5	29.290	BUY
SMA20	29.480	BUY
SMA50	28.470	BUY
SMA100	29.130	BUY
SMA200	26.950	BUY

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	GVR	Nắm giữ	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5			3,33%
2	DBC	Nắm giữ	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27			6,71%
3	NLG	Nắm giữ	39-40,3	4/9/2024	40,3	45,3	38,8			0,50%
4	DCM	Nắm giữ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2			3,38%
5	MWG	Nắm giữ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8			-1,98%
6	NKG	Nắm giữ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20			5,00%
7	PLX	Mua	44-46	20/9/2024	45,35	49,8	42,8			-2,09%
8	PVT	Nắm giữ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6			4,27%
9	KBC	Nắm giữ	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7			4,26%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	PVD	Chốt lời	29-30	23/4/2024	30	33,8	28,8	22/5/2024	33,2	10,67%
2	VHC	Cơ cấu	73-74,5	3/5/2024	74	83,2	71	27/5/2024	73	-1,35%
3	CTD	Chốt lời	69,5-71,6	22/5/2024	71,6	79,6	68	28/5/2024	75,2	5,85%
4	NKG	Cơ cấu	23,9-24,3	24/5/2024	24,3	27,3	23,6	30/5/2024	24,75	1,85%
5	PC1	Chốt lời	28,2-29	1/7/2024	28,7	32,6	27,6	45633	31,6	10,10%
6	VSC	Cắt lỗ	21-21,7	6/6/2024	21,7	24,3	20,7	17/7/2024	20,7	-4,61%
7	PHR	Cắt lỗ	60-61,5	6/6/2024	61	68,1	58	17/7/2024	58	-4,92%
8	MSN	Cắt lỗ	74,2-76,2	17/6/2024	76,2	86,3	72,5	17/7/2024	72,5	-4,86%
9	BSR	Chốt lời	21,5-22	5/8/2024	21,5	25,1	20,9	15/8/2024	23,2	7,91%
10	PNJ	Chốt lời	95-96,5	2/8/2024	96	108	91,6	20/8/2024	108	12,50%
11	MWG	Chốt lời	59,5-62	20/6/2024	62	69,8	57,5	21/8/2024	69,8	12,58%
12	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
13	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
14	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
15	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Ngày 09/10/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Dưới 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-12%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-18-37%
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Cắt lỗ DCA về 41-42)	
Cắt lỗ	Dưới 59	-(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-12%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Năm giờ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-12%-14%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng OK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lấy liền)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room